TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG PẮC
TỈNH ĐẮK LẮK

Bản án số:13/2018/DS-ST.
Ngày: 13/8/2018.
V/v: "*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*"

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PẮC, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Ngô Văn Tuyển.
2. Bà Hoàng Thị Hường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thúy Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc *tham gia phiên toà:* Bà Phạm Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 13/8/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 23/2018/TLST-DS, ngày 31 tháng 01 năm 2018 về việc "*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2018/QĐXXST-DS, ngày 04 tháng 6 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa số: 06/2018/QĐST- DS ngày 19/6/2018, Quyết định ngừng phiên tòa số: 06/QĐST- DS ngày 10/7/2018 giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị K.
Địa chỉ: Thôn 8A, xã Ea Kly, huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk. (Có mặt)
+ Bị đơn: Bà Lê Thị Nh, ông Nguyễn Duy L
Địa chỉ: Thôn 8A, xã Ea Kly, huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện lập ngày 28/12/2017 và quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn bà Nguyễn Thị K trình bày*:

Tôi là đại lý thức ăn gia súc, trong thời gian từ ngày 05/01/2016 đến ngày 05/4/2016 gia đình ông Nguyễn Duy L, bà Lê Thị Nh mua thức ăn gia súc ở chỗ đại lý của tôi và nợ với số tiền là 7.450.000 đồng, tôi đã nhiều lần yêu cầu bà Nh ông L thanh toán nợ nhưng gia đình ông L, bà Nh không thanh toán, tôi đã nhiều lần làm đơn trình báo UBND xã Ea Kly để giải quyết nhưng ông bà vẫn không thanh toán và

nói không nợ số tiền trên, mỗi lần mua cám heo bà Nh đều ký chữ "*S*" vào sổ nợ của tôi.

Nay tôi làm đơn đề nghị Toà án buộc bà Lê Thị Nh, ông Nguyễn Duy L phải trả cho tôi số tiền là 10.130.000 đồng. Trong đó số tiền gốc là: 7.450.000 đồng và số tiền lãi tính đến ngày 05/01/2016 là 2.682.000đ và số tiền lãi phát sinh từ ngày 06/1/2016 đến nay.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã giao thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng cho bà Lê Thị Nh, ông Nguyễn Duy L để tham gia tố tụng. Tuy nhiên, bà Lê Thị Nh, ông Nguyễn Duy L không chấp hành theo giấy triệu tập của Toà án. Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của bà Lê Thị Nh, ông Nguyễn Duy L ngoài trụ sở Toà án dưới sự xác nhận của chính quyền địa phương thì bà Lê Thị Nh, ông Nguyễn Duy L trình bày**:** Bà Nh và ông L là hàng xóm với bà Nguyễn Thị K, trong năm 2016 thì bà N có mua nợ cám heo của bà K, mỗi lần mua cám heo thì bà Nh đều ký nhận nợ vào sổ bà K với chữ "*S*" và hiện nay còn nợ tiền mua cám heo của bà K với số tiền khoảng 5.000.000 đồng, lý do ông L và bà Nh không trả tiền mua cám heo cho bà Kỉnh là do nhà bà Kỉnh là hàng xóm, sát nhà bà Nh và ông L đã làm nước thải chảy qua nhà bà Nh, ông L gây ô nhiễm môi trường, nên ông L và bà Nh không đồng ý trả tiền mua cám heo cho bà K.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã tiến hành triệu tập bà Nh ông L đến Tòa án để giải quyết vụ án nhưng bà Nh, ông L cố tình vắng mặt, không hợp tác để giải quyết vụ kiện. Mặt khác toàn bộ chứng cứ mà bà K cung cấp tại Tòa án cũng như lời khai của bà K, bà Nh và ông L khai thì tất cả các lần mua cám của bà K đều do bà Nh là người trực tiếp ký xác nhận, bà Nh, ông L chỉ thừa nhận bà Nh có mua cám của bà K 5.000.000đ. Trong khi đó bà Kỉnh khởi kiện yêu cầu bà Nh ông L trả số tiền nợ gốc là 7.450.000đ. Vì vậy bà K đã làm đơn yêu cầu Toà án giám định chữ ký của bà Nh là chứng cứ xác nhận nợ mà bà K cung cấp tại toà. Ngày 16/7/2018 Toà án nhân dân huyện Krông Pắc ra quyết định trưng cầu giám định chữ viết. Kết quả giám định của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk số 84/CP54 ngày 02/8/2018 đã kết luận: chữ viết có nội dung **"Nợ lại một triệu đồng chẵn"** và chữ **"S"** cuối dòng tại các mục ghi ngày 05/1/2016; 16/1/2016; 27/1; 29/2; 10/3; 26/3/2016; 5/4 và chữ viết mang tên Lê Thị Nh, Nguyễn Thị Nh trong biên bản giao ngày 09/2/2018; 03/4/2018; 05/6/2018; 20/6/2018 là do một người viết ra. Do bị đơn ông Nguyễn Duy L, bà Lê Thị Nh cố tình trốn tránh, không đến Toà án để làm việc. Vì vậy, căn cứ điều 203 BLTTDS năm 2015. Toà án nhân dân huyện Krông Pắc đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên toà, nguyên đơn bà Nguyễn Thị K yêu cầu HĐXX Buộc ông Nguyễn Duy L và bà Lê Thị Nh trả số tiền nợ gốc là 7.050.000đ và tiền lãi phát sinh tính từ ngày 16/01/2016 cho đến khi giải quyết xong vụ án.

Rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 400.000đ tiền *(Tiền tưới nước đợt 2)*

Bị đơn bà Lê Thị N, ông Nguyễn Duy L vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán và HĐXX, thư ký và nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS) trong quá trình giải quyết vụ án. Bị đơn ông Nguyễn Duy L, bà Lê Thị Nh vắng mặt tại buổi làm việc lập bản tự khai cũng như vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và vắng mặt tại phiên tòa là vi phạm quy định về quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70 và Điều 227của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Về nội dung: Căn cứ Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 244 BLTTDS năm 2015; Điều 428, Điều 429; Điều 434; điều 438; Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 688 bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị K. Buộc bà Lê Thị Nh và ông Nguyễn Duy L phải trả cho bà Nguyễn Thị K 7.050.000đ đồng *(Bảy triệu không trăm năm mươi nghìn đồng)* tiền mua cám heo và tiền lãi phát sinh theo quy định của pháp luật.

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 400.000 đồng, do tại phiên toà hôm nay nguyên đơn bà Nguyễn Thị K xin rút.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định về nội dung vụ án như sau:

[1]. Xét về hình thức**:** Căn cứ đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị K lập ngày 28/12/2017, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*" được quy định tại khoản 3 Điều 26 của BLTTDS.

Xét thấy tại thời điểm bà Nguyễn Thị K khởi kiện, bà Lê Thị Nh và ông Nguyễn Duy L đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại thôn 8A, xã Ea Kly, huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc áp dụng điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Tại phiên tòa lần thứ nhất bà Lê Thị Nh và ông Nguyễn Duy L vắng mặt nên HĐXX đã Hoãn phiên tòa và tiếp tục tống đạt Quyết định Hoãn phiên tòa cho bà Lê Thị Nh và ông Nguyễn Duy L. Tại phiên tòa hôm nay bà Lê Thị Nh và ông Nguyễn Duy L tiếp tục vắng mặt. Căn cứ Điều 227 và Điều 228 BLTTDS Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn bà Lê Thị Nh và ông Nguyễn Duy L

[2]. Xét về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị K yêu cầu bà Lê Thị Nh và ông Nguyễn Duy L phải trả cho bà Nguyễn Thị K số tiền 7.050.000 đồng. Hội đồng xét xử nhận định: Căn cứ vào chứng cứ mà bà Nguyễn Thị

K cung cấp tại Tòa án thì: Trong khoảng thời gian từ ngày 16/01/2016 đến ngày 5/4/2016 bà Lê Thị Nhơn đã 07 lần mua thức ăn gia súc của bà Nguyễn Thị K với tổng số tiền là 6.050.000đ. Trong đó:

Ngày 05/1/2016 bà Nh mua 2 túi S1 trị giá 220.000đ, 01 túi S2 trị giá 385.000đ;

Ngày 16/01/2016 bà Nh 01 bao S2 trị giá 385.000đ;

Ngày 27/1 bà Nh 01 bao S2 trị giá 385.000đ;

Ngày 29/2 bà Nh mua 01 bao cám có ký hiệu 682E trị giá 230.000đ và 01 Bao cám ký hiệu 933 trị giá 430.00đ;

Ngày 10/3 bà Nh mua 02 bao cám có ký hiệu 933 trị giá 800.000đ và 01 Bao cám ký hiệu S682E trị giá 220.000đ ;

Ngày 24/3/2016 bà Nh mua của bà K 03 bao cám ký hiệu A41 trị giá 870.000đ;

Ngày 5/4 bà Nh mua 5 bao cám ký hiệu A41 loại 40 kg trị giá 2.075.000đ;

Tiền tưới nước đợt 2 là 400.000đ;

Sau mỗi lần mua bán nói trên bà Lê Thị Nh đều ký chữ S. Ngoài các lần mua bán nói trên thì trước đó bà Lê Thị Nh cũng có mua cám của bà K đến ngày 24/9 thì hai bên có thanh toán tiền cho nhau theo đó bà Nhơn còn nợ lai của bà K 1.000.000đ việc nợ này cũng được ký xác nhận bằng chữ S và dòng chữ "*Nợ lại một triệu đồng chẵn*".

Tổng cộng các khoản là 7.450.000đ *(Bảy triệu bốn trăm, năm mươi nghìn đồng)*

Mặc dù trong các lần mua cám nói trên bà Lê Thị Nh không ghi tên thật của mình và trong quá trình giải quyết bà Lê Thị Nh không tham gia phiên hợp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và không tham gia vào các Phiên hòa giải do Tòa án tổ chức, và từ chối tham gia tố tụng tại phiên tòa. Tuy nhiên căn cứ vào Kết luận giám định số 84/CP54 ngày 02/8/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk. HĐXX có đủ căn cứ khẳng định việc bà Nh mua cám của bà K là đúng thực tế. Các đương sự tham gia giao dịch là những người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, nhận thức rõ việc làm của mình và không có sự ép buộc trong quá trình thực hiện giao dịch dân sự này. Khi thực hiện hợp đồng mua bán này thì bên mua bà Nhơn ký xác nhận. Mặc dù trong quá trình giải quyết, cũng như tại phiên toà bị đơn cố tình vắng mặt, nhưng qua kết quả giám định đã xác định được chứng cứ phía nguyên đơn cung cấp là có cơ sở pháp lý phù hợp quy định tại khoản 6 Điều 95 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nên cần xác định việc giao kết hợp đồng giữa bà K và bà Nh là phù hợp với pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Tuy nhiên sau khi mua tài sản bà Nhơn không chịu thanh toán tiền cho bà K nên bà K khởi kiện là có căn cứ. Việc ông L, bà Nh cho rằng do gia đình bà Nguyễn Thị K chăn nuôi gia súc đã làm nước thải chảy qua nhà ông Luân, gây ô nhiễm môi trường, nên ông và bà Nh không đồng ý trả tiền mua cám heo cho bà K là không chính đáng, nên HĐXX không xem xét.

Xét thấy bà Nh và ông L đã vi phạm nghĩa vụ mua bán quy định tại Điều 428 Bộ luật dân sự năm 2005. Tại Điều 428 quy định như sau:

"Hợp đồng mua bán tài sản là sự thoả thuận giữa các bên, theo đó bên bán có nghĩa vụ giao tài sản cho bên mua và nhận tiền, còn bên mua có nghĩa vụ nhận tài sản và trả tiền cho bên bán"

Xét thấy yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị K là hoàn toàn có đầy đủ cơ sở pháp lý. Do vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và căn cứ Điều 428, Điều 432, Điều 434, Điều 438 Bộ luật dân sự năm 2005, Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015 để buộc phía bị đơn phải trả cho nguyên đơn 7.050.000đ tiền mua cám là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Tại phiên toà nguyên đơn bà Nguyễn Thị K xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền tưới cà phê đợt 2 là 400.000 đồng. Xét thấy việc bà K rút yêu cầu là hoàn toàn tự nguyện nên HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 244 BLTTDS năm 2015 đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền của nguyên đơn là phù hợp.

Xét yêu cầu tính lãi suất của bà Nguyễn Thị K. Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị K yêu cầu HĐXX buộc bà Lê Thị Nh và ông Nguyễn Duy L phải trả cho bà K số tiền lãi là 2.682.000đ. Xét thấy việc bà Lê Thị Nh mua 7 lần thức ăn gia súc của bà Nguyễn Thị K tổng cộng 7.050.000đ là đúng thực tế. Tuy nhiên, trong các lần mua bán các bên không thỏa thuận thời hạn trả tiền và cũng không thỏa thuận lãi suất. Mặc dù tại phiên tòa bà K khẳng định sau khi bà Nh không thanh toán tiền bà đã nhiều lần đến nhà bà Nh để yêu cầu bà Nh thanh toán tiền cho bà, song bà K không có chứng minh cho ý kiến trên. Căn cứ vào tài liệu mà bà K cung cấp thì đến ngày 10/02/2017 việc tranh chấp giữa bà K và bà Nh ông L được UBND xã Ea Kly giải quyết. Tuy nhiên, sau đó bà Nh ông L vẫn không thanh toán nợ cho bà K. Do đó HĐXX cần buộc ông L bà Nh phải trả cho bà K khoản tiền lãi theo quy định của pháp luật. Theo quyết định số 2868/QĐ-TĐNH ngày 01/12/2010 của của Ngân hàng nhà nước Việt Nam thì mức lãi suất cơ bản tính là 9%/năm = 0,75%/tháng. Số nợ trên được tính từ ngày tiếp theo của ngày UBND xã Ea Kly giải quyết (ngày 10/02/2017) tranh chấp giữa bà Nh với bà K cho đến khi xét xử sơ thẩm (ngày 13/8/2018). Tiền lãi cụ thể thể được tính như sau: Từ 11/02/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm 13/08/2018 là 547 ngày, nên tiền lãi được tính như sau:

$$\frac{7.050.000đ \times 0{,}75\% \times 547 \text{ ngày}}{365} = 964.087đ$$

Như vậy số tiền cần buộc ông Nguyễn Duy L và bà Lê Thị Nh phải trả cho bà Nguyễn Thị K tổng cộng là 8.014.*087đ (Tám triệu không trăm mười bốn nghìn, không trăm tám mươi bảy đồng)*. Trong đó nợ gốc là 7.050.000đ, tiền lãi là 964.087đ.

[4] Về tiền tạm ứng chi phí giám định: Vì bị đơn cố tình trốn tránh không tham gia tố tụng, nên nguyên đơn đã nộp tạm ứng chi phí giám định để trưng cầu giám định chữ viết của phía bị đơn. Tại kết luận giám định số 85/GĐTL, ngày 02/8/2018 của Phòng KTHS - Công an Tỉnh Đăk Lăk đã xác định được chứng cứ nguyên đơn cung cấp có chữ viết của bị đơn là đúng. Vì vậy áp dụng khoản 4 Điều 161 BLTTDS

buộc bị đơn phải hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng chi phí giám định 3.600.000đ *(Ba triệu sáu trăm nghìn đồng)* là phù hợp.

[5]. Về án phí**:** Do HĐXX buộc bà Lê Thị Nh và ông Nguyễn Duy L phải trả cho bà Nguyễn Thị K số tiền 8.014.087đ. Nên bà Lê Thị Nh và ông Nguyễn Duy L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 400.704đồng. Mức tính như sau: 8.014.087đ x 5% = 400.704 đồng (Làm tròn số là 401.000đ)

Do yêu cầu tính lãi suất cuả bà Nguyễn Thị K chỉ được chấp nhận một phần nên bà Nguyễn Thị K phải chịu phần án phí của phần lãi suất không được HĐXX chấp nhận. Cụ thể bà Nguyễn Thị K yêu cầu HĐXX buộc ông Nguyễn Duy L và bà Lê Thị Nh phải trả 2.682.000đ. Tuy nhiên HĐXX chỉ buộc bà Nhơn ông L phải trả cho bà Kỉnh 964.087đ tiền lãi. Do đó, bà Nguyễn Thị K phải chịu 300.000đ tiền án phí DSST. Khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà bà Nguyễn Thị K đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai thu số AA/2017/0001635 ngày 26/01/2018.

[6]. Xét quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 161, Điều 227, khoản 2 Điều 244 BLTTDS năm 2015; Điều 428, Điều 429; Điều 434; điều 438 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

- Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị K. Buộc bà Lê Thị Nh và ông Nguyễn Duy L phải trả cho bà Nguyễn Thị K 8.014.087đ *(Tám triệu không trăm mười bốn nghìn, không trám tám mươi bảy đồng)*. Trong đó tiền nợ gốc là 7.050.000đ, tiền lãi là 964.087đ.

Bác một phần yêu cầu yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị K đối với số tiền lãi là 1.717.903đ *(Một triệu bảy trăm mười bảy nghìn, chín trăm lẻ ba đồng)*.

"Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015".

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị K đối với số tiền 400.000đ *(Bốn trăm nghìn đồng)* tiền tưới nước đợt hai.

Về chị phí giám định: Buộc ông Nguyễn Duy L và bà Nguyễn Thị Nh phải trả cho bà Nguyễn Thị K chi phí giám định mà bà Kỉnh đã nộp là 3.600.000đ *(Ba triệu sáu trăm nghìn đồng)*

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị Nh và ông Nguyễn Duy L phải chịu 401.000đ *(Bốn trăm linh một nghìn đồng*) tiền án phí dân sư sơ thẩm.

- Bà Nguyễn Thị K số phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí DSST. Khấu trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí bà Nguyễn Thị K đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0001635 ngày 26/01/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị K được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 *(Mười lăm)* ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn bà Lê Thị Nh, ông Nguyễn Văn L được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15*(Mười lăm)* ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 luật thi hành án dân sự, Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự./.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu Hiền

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Pắc;
- Thi hành án huyện K;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, V.P.